

Bản án số: 36/2017/DS-ST
Ngày 02 - 11 - 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các hội thẩm nhân dân

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2017/QĐST-DS ngày 29/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng K

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phước H

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Rạch Giá

Người được ông Đỗ Hoàng H ủy quyền lại: Ông Ngô Thuận A

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Huyện A.

Người được ông Ngô Thuận A ủy quyền lại: Ông Hồ Văn B

Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Huyện A. Có mặt

Địa chỉ: Kp3, thị trấn TB, Huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1980 và chị Lê Thị T, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp R, xã T A, Huyện A, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp R, xã T A, Huyện A, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng K (Gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Vào ngày 18/3/2015, anh Trần Quốc T cùng vợ là chị Lê Thị T có vay của Ngân hàng K số tiền 60.000.000đ theo hợp đồng vay số 416/2015/HĐTD/1010 – 2272 ngày 18/3/2015, giải ngân ngày 19/3/2016: Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 13,59%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm quá hạn, hình thức thanh toán lãi 06 tháng trả một lần, gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp số 416/2015/HĐTC-BDS/1010-2272 ngày 18/3/2015, gồm: Quyền sử dụng đất lúa tổng diện tích 7.569m² tọa lạc tại ấp R, xã T A, Huyện A tỉnh K, thuộc tờ bản đồ số 4-2, thửa 258 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 769500 do UBND Huyện A cấp ngày 13/01/2002 do ông Trần Quốc T đứng tên. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định pháp luật.

Kể từ khi anh Toàn, chị Thi nhận tiền vay đến nay thì không trả tiền lãi và tiền gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vẫn không trả.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T trả cho Ngân hàng tiền vốn vay 60.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện là ngày 02/11/2017 với số tiền là 29.382.598đ, cộng chung gốc và lãi là 89.382.500đ. Trong đó, lãi trong hạn 7.996.050đ, phạt trậm trả lãi 2.738.548đ, lãi quá hạn 18.648.000đ. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm việc thu hồi nợ.

- Bị đơn, anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T xuyên suốt vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Văn V trình bày: Vào năm 2015, anh có cổ của vợ chồng anh Toàn, chị Thi tổng số 05 công đất ruộng tầm 3m với số vàng là 22 chỉ vàng 24kr (vàng 9999) đất tọa lạc tại ấp R, xã T A, Huyện A, tỉnh K, thời hạn cổ là 05 năm. Anh đã giao vàng cho vợ chồng anh Toàn, chị Thi và nhận đất canh tác từ 2015 đến nay.

Phần đất này hiện nay anh Toàn đã thế chấp vay vốn Ngân hàng Kiên Long và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý phần đất này thì anh không có ý kiến gì. Đối với phần vàng cổ đất để anh thỏa thuận với vợ chồng anh Toàn, nếu sau này thỏa thuận không xong thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm:

Nguyên đơn Ngân hàng cung cấp: Quyết định ủy quyền thường xuyên ngày 02/11/2015; giấy đề nghị vay vốn, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng số 416 ngày 18/3/2015; hợp đồng thế chấp số 416 ngày 18/3/2015; bản kê khai tính lãi (toàn bộ bản pho tô).

Tại phiên tòa: Đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn V vắng mặt.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng K yêu cầu anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T trả nợ tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Đồng thời xử lý tài sản anh Toàn chị Thi đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cùng cư trú trên địa bàn Huyện A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện A theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T trả nợ vay cho Ngân hàng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn V đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T và anh Phạm Văn V.

[4] Về nội dung vụ án: Đại diện ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T trả số tiền vay gốc 60.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng và đồng thời xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nợ vay.

Hội đồng xét xử, xét thấy đại diện nguyên đơn Ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng cấp tín dụng số 416/2015/HĐTD/1010 – 2272 ngày 18/3/2015, nội dung cụ thể hợp đồng: Ngân hàng K – phòng giao dịch An Biên cho anh Trần Quốc T, chị Lê Thị Thị vay số tiền 60.000.000đ, mục đích vay là cải tạo đất trồng lúa, nuôi tôm, nuôi heo, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 13,59%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, mức phạt chậm trả 0,05%/ngày, tiền lãi 06 tháng trả một lần. Xét hợp đồng tín dụng này giữa Ngân hàng với anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng các bên có năng lực hành vi đầy đủ, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Theo các chứng cứ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì thấy rằng Ngân hàng đã giải Ngân cho anh Trần Quốc T nhận số tiền vay 60.000.000đ vào ngày 19/3/2015. Vậy thời hạn vay được tính từ ngày 19/3/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa Ngân hàng với anh Toàn,

chị Thi thì anh Toàn, chị Thi đã vi phạm hợp đồng tín dụng là không đóng lãi và trả tiền gốc cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận theo hợp đồng, để hợp đồng kéo dài đến nay là đã vi phạm vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Trong vụ kiện này phía bên vay là anh Toàn, chị Thi đã nhận đủ số tiền vay 60.000.000đ thì có nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh Toàn, chị Thi có nghĩa vụ trả số tiền vay 60.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày vay 19/3/2015 đến nay là ngày 02/11/2017 với số tiền là 29.382.598đ. Trong đó, lãi trong hạn 7.996.050, phạt chậm trả lãi 2.738.548đ, lãi quá hạn 18.648.000đ. Vậy tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/11/2017 là 89.382.598đ, làm tròn 89.382.500đ.

Đối hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 416/2015/HĐTC-BDS/1010-2272 ngày 18/3/2015, nội dung hợp đồng: anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm số tiền vay 60.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 416/2015/HĐTD/1010 – 2272 ngày 18/3/2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất lúa tổng diện tích 7.569m², thuộc tờ bản đồ số 4-2, thửa 258 tọa lạc tại ấp R, xã T A, Huyện A, tỉnh K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 769500 do UBND Huyện A cấp cho ông Trần Quốc T ngày 13/01/2002. Hội đồng xét xử xét thấy, phần diện tích đất này anh Trần Quốc T đã được Ủy ban nhân dân Huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đỏ vào ngày 13/01/2012, anh và chị Thi đã tự nguyện dùng tài sản này để thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm số nợ anh và chị Thi vay 60.000.000đ, hợp đồng thế chấp thể hiện đầy đủ chữ ký bên thế chấp là anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T và hợp đồng thế chấp đã được chứng thực và

đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định pháp luật nên hợp đồng đã có hiệu lực kể từ ngày đăng ký giao dịch bảo đảm.

Từ các nhận định nêu trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Buộc anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 02/11/2017 là 29.382.500đ. Đồng thời xử lý tài sản anh Toàn, chị Thi thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Phạm Văn V với anh Trần Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án anh Vinh không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử miễn xét. Khi nào anh có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được xác định: $89.382.500đ \times 5\% = 4.469.125$, làm tròn 4.469.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Buộc anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T phải nộp 4.469.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Xét thấy, kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và phát biểu ý kiến về nội dung vụ án là đúng quy định và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 715, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K.
2. Buộc anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh

theo hợp đồng đến ngày 02/11/2017 là 29.382.500đ (Hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng). Cộng chung tiền gốc và tiền lãi là 89.382.500đ (Tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng K đối với số tiền gốc còn nợ cho đến khi thi hành xong số tiền gốc.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T không thực hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất lúa tổng diện tích 7.569m², thuộc tờ bản đồ số 4-2, thửa 258 tọa lạc tại ấp R, xã T A, Huyện A, tỉnh K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 769500 do UBND Huyện A cấp cho ông Trần Quốc T ngày 13/01/2002 để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.469.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Buộc anh Trần Quốc T, chị Lê Thị T phải nộp toàn bộ tiền án phí là 4.469.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.931.000đ theo biên lai thu tiền số 0006909 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện A.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Huyện A;
- Chi cục THADS Huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

Đã ký và đóng dấu

Võ Thanh Huyền